**2. Danh sách 2:** Các sinh viên bị nhắc nhở vì kết quả học tập chưa tốt

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 19021143 | Nguyễn Đình Anh | 23/07/2001 | Nam | K64AE |
| 2 | 19021142 | Nguyễn Quang Anh | 11/12/2001 | Nam | K64AE |
| 3 | 19021160 | Nguyễn Lê Đức Hoàng | 12/12/2001 | Nam | K64AE |
| 4 | 19021173 | Nguyễn Trọng Minh | 15/03/2001 | Nam | K64AE |
| 5 | 19021182 | Dương Minh Quang | 10/07/2001 | Nam | K64AE |
| 6 | 19021188 | Nguyễn Trung Thành | 21/02/2001 | Nam | K64AE |
| 7 | 19021563 | Trịnh Duy Linh | 06/08/2001 | Nam | K64AG |
| 8 | 19021634 | Phan Duy Tuân | 23/06/2001 | Nam | K64AT |
| 9 | 19020034 | Trần Minh Hoàng | 19/05/2001 | Nam | K64CACLC1 |
| 10 | 19020104 | Nguyễn Ngọc Khang | 30/06/2001 | Nam | K64CACLC1 |
| 11 | 19021220 | Dương Quang Bách | 19/03/2001 | Nam | K64CACLC2 |
| 12 | 19021294 | Vũ Quang Hưng | 16/01/2001 | Nam | K64CACLC2 |
| 13 | 19021355 | Ngô Đình Ngọc Quang | 01/02/2001 | Nam | K64CACLC2 |
| 14 | 19020075 | Nguyễn Đình Tuấn Anh | 26/02/2001 | Nam | K64CB |
| 15 | 19020321 | Trần Quang Huy | 06/02/2001 | Nam | K64CB |
| 16 | 19020361 | Nguyễn Hữu Mạnh | 10/03/2001 | Nam | K64CB |
| 17 | 19020396 | Nguyễn Văn Phương | 26/03/2001 | Nam | K64CB |
| 18 | 19020085 | Vũ Đức Thành | 11/02/2001 | Nam | K64CB |
| 19 | 19020426 | Nguyễn Công Sơn | 24/06/2001 | Nam | K64CD |
| 20 | 19020087 | Nguyễn Quốc Trung | 19/11/2001 | Nam | K64CD |
| 21 | 19020324 | Hà Văn Huy | 21/10/2001 | Nam | K64CE |
| 22 | 19020349 | Lê Bảo Lộc | 01/11/2001 | Nam | K64CE |
| 23 | 19020379 | Nguyễn Thế Nam | 19/06/2001 | Nam | K64CE |
| 24 | 19020459 | Lê Viết Toàn | 01/07/2001 | Nam | K64CE |
| 25 | 19020270 | Hoàng Đức Giang | 25/04/2001 | Nam | K64CF |
| 26 | 19020300 | Trần Văn Hoàng | 01/11/2001 | Nam | K64CF |
| 27 | 19020435 | Đỗ Trọng Tấn | 19/02/2001 | Nam | K64CF |
| 28 | 19021416 | Ngô Hải Bình | 15/10/2001 | Nam | K64ĐACLC1 |
| 29 | 19021432 | Lương Nguyễn Minh Đức | 07/10/2001 | Nam | K64ĐACLC1 |
| 30 | 19021472 | Nguyễn Nhật Khánh | 13/11/2001 | Nam | K64ĐACLC1 |
| 31 | 19021412 | Nguyễn Lâm Anh | 25/08/2001 | Nam | K64ĐACLC2 |
| 32 | 19021452 | Phạm Minh Hiếu | 14/09/2001 | Nam | K64ĐACLC2 |
| 33 | 19021460 | Nguyễn Việt Hoàng | 13/10/2001 | Nam | K64ĐACLC2 |
| 34 | 19021506 | Nguyễn Minh Quang | 24/03/2001 | Nam | K64ĐACLC2 |
| 35 | 19021536 | Lưu Khoa Văn | 27/01/2001 | Nam | K64ĐACLC2 |
| 36 | 19020829 | Nguyễn Hoàng Huy | 03/01/2001 | Nam | K64H |
| 37 | 19020835 | Phạm Đức Kiên | 01/05/2001 | Nam | K64H |
| 38 | 19020174 | Lê Văn Sơn | 19/05/2000 | Nam | K64J |
| 39 | 19020529 | Nguyễn Ngọc Đức | 03/12/2001 | Nam | K64K1 |
| 40 | 19020534 | Nguyễn Văn Duy | 13/11/1999 | Nam | K64K2 |
| 41 | 19021037 | Nguyễn Văn Hải | 26/07/2001 | Nam | K64MCLC1 |
| 42 | 19021118 | Trần Hữu Thịnh | 15/12/2001 | Nam | K64MCLC1 |
| 43 | 19021023 | Nguyễn Quang Dũng | 18/03/2001 | Nam | K64MCLC2 |
| 44 | 19021063 | Nghiêm Quang Huy | 22/07/2001 | Nam | K64MCLC2 |
| 45 | 19020031 | Lê Hoàng Anh | 15/04/2001 | Nam | K64N |
| 46 | 19020313 | Trần Văn Hùng | 04/03/2001 | Nam | K64N |
| 47 | 19020333 | Ngô Ngọc Khánh | 16/06/2001 | Nam | K64N |
| 48 | 19020360 | Phạm Đức Mạnh | 14/05/2001 | Nam | K64N |
| 49 | 19020072 | Nguyễn Quang Minh | 20/05/2001 | Nam | K64N |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 50 | 19020555 | Nguyễn Phú Hưởng | 03/03/2001 | Nam | K64R |
| 51 | 19021291 | Dương Việt Hùng | 10/06/2001 | Nam | K64TCLC |
| 52 | 19020102 | Nguyễn Anh Huy | 03/01/2001 | Nam | K64TCLC |
| 53 | 19021342 | Phùng Sỹ Ngọc | 11/07/2001 | Nam | K64TCLC |
| 54 | 19021344 | Hoàng Bảo Phúc | 11/08/2001 | Nam | K64TCLC |
| 55 | 19020744 | Nguyễn Hồng Phúc | 06/10/2001 | Nam | K64V |
| 56 | 19020880 | Trịnh Đình Đức Anh | 22/05/2001 | Nam | K64XD |
| 57 | 19020896 | Lê Đàm Hồng Đức | 27/04/2001 | Nam | K64XD |
| 58 | 19020902 | Văn Ngọc Đức | 20/10/2000 | Nam | K64XD |
| 59 | 19020899 | Vũ Minh Đức | 12/11/2001 | Nam | K64XD |
| 60 | 19020989 | Vũ Xuân Trường | 26/01/2001 | Nam | K64XD |
| 61 | 20021233 | Đặng Trần Hiệp | 11/09/2002 | Nam | K65AE |
| 62 | 20021238 | Nguyễn Đức Huy | 18/07/2002 | Nam | K65AE |
| 63 | 20021250 | Diệp Sơn Nam | 18/10/2002 | Nam | K65AE |
| 64 | 20021267 | Hà Tiến Thành | 19/08/2002 | Nam | K65AE |
| 65 | 20020526 | Nguyễn Vũ Minh Hiếu | 18/03/2002 | Nam | K65AG |
| 66 | 20020548 | Nguyễn Văn Minh | 30/10/2002 | Nam | K65AG |
| 67 | 20020549 | Võ Minh Nhật | 13/06/2002 | Nam | K65AG |
| 68 | 20021295 | Trần Đức Anh | 10/09/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 69 | 20020128 | Hoàng Vũ Anh | 19/02/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 70 | 20020283 | Nguyễn Đức Cường | 30/04/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 71 | 20020139 | Đỗ Việt Hưng | 20/11/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 72 | 20020294 | Tống Đăng Huy | 18/09/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 73 | 20020299 | Nguyễn Danh Minh | 09/01/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 74 | 20020152 | Đoàn Minh Quân | 17/04/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 75 | 20020308 | Vũ Minh Quang | 29/08/2002 | Nam | K65CACLC1 |
| 76 | 20021327 | Nguyễn Tiến Đạt | 06/02/2002 | Nam | K65CACLC2 |
| 77 | 20020135 | Dương Danh Hiếu | 11/05/2002 | Nam | K65CACLC2 |
| 78 | 20020016 | Nguyễn Quang Huy | 26/02/2002 | Nam | K65CACLC2 |
| 79 | 20020148 | Lê Đình Nghĩa | 01/05/2002 | Nam | K65CACLC2 |
| 80 | 20020075 | Dương Đình Ngọc Bách | 07/02/2002 | Nam | K65CACLC3 |
| 81 | 20020356 | Lê Hoàng Đại Dương | 25/11/1999 | Nam | K65CACLC3 |
| 82 | 20021322 | Phùng Ánh Dương | 04/08/2002 | Nam | K65CACLC3 |
| 83 | 20020154 | Đinh Tiến Thành | 25/07/2002 | Nam | K65CACLC3 |
| 84 | 20021457 | Nguyễn Việt Trung | 01/01/2002 | Nam | K65CACLC3 |
| 85 | 20020334 | Trịnh Hoàng Anh | 12/06/2001 | Nam | K65CB |
| 86 | 20020368 | Nông Thị Thảo Chi | 11/10/2002 | Nữ | K65CB |
| 87 | 20020017 | Phạm Xuân Huy | 06/12/2002 | Nam | K65CB |
| 88 | 20020111 | Lê Quang Kiên | 03/06/2002 | Nam | K65CB |
| 89 | 20020062 | Trần Quý Nhất | 30/08/2002 | Nam | K65CB |
| 90 | 20020480 | Ngàn Văn Thư | 13/06/2002 | Nam | K65CB |
| 91 | 20020342 | Trần Văn Tư | 19/10/2001 | Nam | K65CB |
| 92 | 20020072 | Tạ Hữu Vượng | 26/02/2002 | Nam | K65CB |
| 93 | 20020508 | Tẩn Minh Xuân | 28/02/2002 | Nam | K65CB |
| 94 | 20020191 | Lê Trí Dũng | 14/09/2002 | Nam | K65CC |
| 95 | 20020101 | Vũ Tuấn Hà | 26/11/2002 | Nam | K65CC |
| 96 | 20020446 | Đoàn Văn Nam | 12/07/2002 | Nam | K65CC |
| 97 | 20020207 | Ngô Thế Ngọc | 23/01/2002 | Nam | K65CC |
| 98 | 20020266 | Phan Công Tiến | 10/06/2002 | Nam | K65CC |
| 99 | 20020120 | Nguyễn Trí Minh Tuấn | 20/05/2002 | Nam | K65CC |
| 100 | 20020098 | Phạm Minh Cường | 13/01/2002 | Nam | K65CCLC |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 101 | 20020106 | Bùi Hữu Việt Hùng | 13/03/2002 | Nam | K65CCLC |
| 102 | 20020391 | Phùng Tiến Đạt | 14/08/2001 | Nam | K65CD |
| 103 | 20020493 | Phạm Anh Tú | 14/06/2002 | Nam | K65CD |
| 104 | 20020503 | Trần Thành Vinh | 10/10/2002 | Nam | K65CD |
| 105 | 20021583 | Đỗ Đức Thắng | 16/04/2002 | Nam | K65ĐACLC1 |
| 106 | 20021595 | Nguyễn Minh Tuấn | 02/04/2002 | Nam | K65ĐACLC1 |
| 107 | 20020252 | Bùi Thành Vinh | 11/01/2002 | Nam | K65ĐACLC1 |
| 108 | 20021490 | Tạ Hoàng Anh | 10/06/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 109 | 20021485 | Lê Tuấn Anh | 08/06/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 110 | 20021519 | Nguyễn Minh Đức | 06/07/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 111 | 20021534 | Vũ Đức Hoàng | 20/06/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 112 | 20021537 | Đặng Cao Huy | 19/11/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 113 | 20021552 | Trịnh Công Mạnh | 09/01/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 114 | 20021559 | Đoàn Tuấn Nghĩa | 14/06/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 115 | 20021572 | Hoàng Anh Quân | 12/01/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 116 | 20020331 | Nguyễn Thành Tài | 16/10/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 117 | 20021591 | Nguyễn Quang Trung | 06/12/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 118 | 20021594 | Nguyễn Anh Tuấn | 03/11/2002 | Nam | K65ĐACLC2 |
| 119 | 20020786 | Nguyễn Mai Hiếu | 10/06/2002 | Nam | K65E |
| 120 | 20020829 | Nguyễn Năng Phúc | 20/12/2002 | Nam | K65E |
| 121 | 20020837 | Thiều Quang Tấn | 07/06/2002 | Nam | K65E |
| 122 | 20020843 | Phạm Hoàng Thắng | 06/09/2002 | Nam | K65E |
| 123 | 20020879 | Phan Văn Dũng | 29/12/2002 | Nam | K65H |
| 124 | 20020905 | Nguyễn Quang Huy | 19/07/2002 | Nam | K65H |
| 125 | 20020928 | Bùi Đình Sự | 26/03/2002 | Nam | K65H |
| 126 | 20020199 | Nguyễn Duy Khương | 05/05/2002 | Nam | K65J |
| 127 | 20020272 | Hoàng Minh Quân | 24/10/2002 | Nam | K65J |
| 128 | 20020340 | Hoàng Anh Thắng | 09/08/2001 | Nam | K65J |
| 129 | 20020268 | Trần Quang Trung | 29/08/2002 | Nam | K65J |
| 130 | 20020646 | Phạm Đức Đạt | 17/11/2002 | Nam | K65K |
| 131 | 20020640 | Nguyễn Hưng Dũng | 22/03/2002 | Nam | K65K |
| 132 | 20020651 | Nguyễn Duy Giang | 02/10/2002 | Nam | K65K |
| 133 | 20020668 | Lê Huy Hoàng | 09/04/1998 | Nam | K65K |
| 134 | 20020685 | Nguyễn Đức Luân | 22/08/2002 | Nam | K65K |
| 135 | 20020690 | Nguyễn Thạc Mạnh | 02/10/2002 | Nam | K65K |
| 136 | 20020347 | Nguyễn Thành Nam | 04/02/2001 | Nam | K65K |
| 137 | 20020231 | Trịnh Ngọc Nhất | 21/12/2002 | Nam | K65K |
| 138 | 20020174 | Vũ Mạnh Quang | 24/05/2002 | Nam | K65K |
| 139 | 20020348 | Lẻo Tiến Thắng | 30/08/2001 | Nam | K65K |
| 140 | 20020725 | Trương Công Tiến | 27/03/2001 | Nam | K65K |
| 141 | 20020729 | Trần Quang Trung | 11/06/2002 | Nam | K65K |
| 142 | 20020738 | Lê Quốc Uy | 23/09/2002 | Nam | K65K |
| 143 | 20020175 | Phạm Quốc Việt | 28/07/2002 | Nam | K65K |
| 144 | 20021125 | Vũ Văn Hiệp | 18/10/2002 | Nam | K65MCLC1 |
| 145 | 20021145 | Tòng Duy Hưng | 09/07/2002 | Nam | K65MCLC1 |
| 146 | 20021182 | Nguyễn Văn Thám | 08/03/2002 | Nam | K65MCLC2 |
| 147 | 20021210 | Bùi Quốc Việt | 30/01/2002 | Nam | K65MCLC2 |
| 148 | 20020242 | Trần Quang Hoà | 14/04/2002 | Nam | K65MCLC3 |
| 149 | 20021169 | Bùi Trọng Đức Nghĩa | 05/09/2002 | Nam | K65MCLC3 |
| 150 | 20020243 | Ngô Ngọc Quang | 05/10/2002 | Nam | K65MCLC3 |
| 151 | 20020244 | Trần Đức Thắng | 07/12/2002 | Nam | K65MCLC3 |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 152 | 20021199 | Trần Quang Trung | 10/07/2002 | Nam | K65MCLC3 |
| 153 | 20021211 | Trần Quốc Việt | 14/10/2002 | Nam | K65MCLC3 |
| 154 | 20021311 | Lê Quốc Cường | 05/11/2002 | Nam | K65NCLC |
| 155 | 20020007 | Nguyễn Thái Dương | 06/07/2002 | Nam | K65NCLC |
| 156 | 20021376 | Nguyễn Công Khoa | 31/12/2002 | Nam | K65NCLC |
| 157 | 20020325 | Phan Anh Quân | 30/04/2002 | Nam | K65NCLC |
| 158 | 20020177 | Nguyễn Mạnh Cương | 16/07/2002 | Nam | K65R |
| 159 | 20020660 | Nguyễn Công Hậu | 15/12/2002 | Nam | K65R |
| 160 | 20020681 | Mai Văn Lệ | 22/06/2001 | Nam | K65R |
| 161 | 20021325 | Hà Hoàng Tiến Đạt | 08/06/2002 | Nam | K65TCLC |
| 162 | 20021370 | Nguyễn Văn Hưng | 12/05/2002 | Nam | K65TCLC |
| 163 | 20021402 | Lê Trung Nghĩa | 14/11/2002 | Nam | K65TCLC |
| 164 | 20021403 | Lê Thị Mỹ Ngọc | 13/12/2002 | Nữ | K65TCLC |
| 165 | 20021419 | Hoàng Minh Quý | 26/12/2002 | Nam | K65TCLC |
| 166 | 20021450 | Trần Minh Tiến | 12/12/2002 | Nam | K65TCLC |
| 167 | 20021465 | Nguyễn Đức Tuấn | 02/01/2002 | Nam | K65TCLC |
| 168 | 20020769 | Nguyễn Duy Dự | 27/03/2002 | Nam | K65V |
| 169 | 20020954 | Phạm Trường An | 24/12/2002 | Nam | K65XD1 |
| 170 | 20020982 | Phạm Hải Đăng | 13/02/2002 | Nam | K65XD1 |
| 171 | 20020980 | Nguyễn Văn Đạt | 21/04/2001 | Nam | K65XD1 |
| 172 | 20020972 | Nguyễn Văn Dũng | 12/03/2002 | Nam | K65XD1 |
| 173 | 20020976 | Vũ Xuân Dương | 22/03/2002 | Nam | K65XD1 |
| 174 | 20021004 | Nguyễn Tuấn Huỳnh | 28/09/2002 | Nam | K65XD1 |
| 175 | 20021010 | Nguyễn Văn Khương | 10/04/2002 | Nam | K65XD1 |
| 176 | 20021066 | Cao Cự Toàn | 18/06/2002 | Nam | K65XD1 |
| 177 | 20021070 | Phạm Thành Trung | 27/03/2001 | Nam | K65XD1 |
| 178 | 20020953 | Nguyễn Ngọc An | 24/04/2002 | Nam | K65XD2 |
| 179 | 20020961 | Nguyễn Văn Ba | 06/02/2002 | Nam | K65XD2 |
| 180 | 20020985 | Dương Ngọc Giang | 06/11/2002 | Nam | K65XD2 |
| 181 | 20021023 | Võ Phương Nam | 25/07/2002 | Nam | K65XD2 |
| 182 | 21021406 | Nguyễn Phúc Dương | 28/04/2003 | Nam | K66AE |
| 183 | 21021421 | Phạm Quang Huy | 24/07/2003 | Nam | K66AE |
| 184 | 21021427 | Nguyễn Công Minh | 25/02/2003 | Nam | K66AE |
| 185 | 21020600 | Hoàng Nguyên | 05/01/2003 | Nam | K66AE |
| 186 | 21021450 | Nguyễn Quang Tùng | 01/06/2002 | Nam | K66AE |
| 187 | 21020851 | Phạm Đức Thành | 26/09/2003 | Nam | K66AG |
| 188 | 21020715 | Nguyễn Kim Huy | 17/04/2003 | Nam | K66AT |
| 189 | 21021675 | Phạm Anh Quân | 23/06/2002 | Nam | K66AT |
| 190 | 21021468 | Nguyễn Khánh Duy | 29/11/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 191 | 21021682 | BAE GIRYUN | 17/10/2000 | Nam | K66CACLC1 |
| 192 | 21020198 | Vũ Minh Hiển | 28/04/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 193 | 21020655 | Nguyễn Hữu Nam | 15/11/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 194 | 21020475 | Lê Ngọc Nhật Tân | 14/04/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 195 | 21020245 | Lại Đức Thắng | 16/02/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 196 | 21020244 | Trần Hữu Thành | 10/11/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 197 | 21021550 | Trần Đức Việt | 20/01/2003 | Nam | K66CACLC1 |
| 198 | 21020164 | Ngô Tuấn Anh | 07/02/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 199 | 21020173 | Nguyễn Viết Cường | 28/04/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 200 | 21021499 | Võ Huy Hoàng | 29/12/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 201 | 21021503 | Nguyễn Phan Hùng | 27/07/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 202 | 21021518 | Nguyễn Công Tuấn Minh | 12/12/2003 | Nam | K66CACLC2 |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 203 | 21020662 | Lê Bùi Sơn | 11/06/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 204 | 21020665 | Nguyễn Đức Thành | 05/05/2003 | Nam | K66CACLC2 |
| 205 | 21021485 | Trương Quỳnh Giang | 18/05/2003 | Nữ | K66CACLC3 |
| 206 | 21020197 | Đinh Xuân Hiền | 14/10/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 207 | 21021489 | Cao Chí Hiếu | 01/01/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 208 | 21021524 | Hà Quang Nhuệ | 05/12/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 209 | 21021530 | Lê Đức Quang | 12/08/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 210 | 21021544 | Hoàng Minh Thắng | 16/05/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 211 | 21020671 | Trần Lê Thành Trung | 13/12/2003 | Nam | K66CACLC3 |
| 212 | 21020263 | Bùi Đào Duy Anh | 02/08/2003 | Nam | K66CB |
| 213 | 21020301 | Đào Ngọc Hải Đăng | 20/02/2003 | Nam | K66CB |
| 214 | 21020754 | Sầm Anh Dũng | 01/11/2002 | Nam | K66CB |
| 215 | 21020389 | Nguyễn An Sơn | 29/07/2003 | Nam | K66CB |
| 216 | 21020060 | Cao Thị Thùy Dương | 28/03/2003 | Nữ | K66CC |
| 217 | 21020035 | Nguyễn Huy Thái | 15/09/2003 | Nam | K66CCLC |
| 218 | 21020300 | Nguyễn Trường Đạt | 07/09/2003 | Nam | K66CD |
| 219 | 21020070 | Nguyễn Xuân Hiếu | 14/09/2003 | Nam | K66CD |
| 220 | 21021658 | Hà Duy Khánh | 05/07/2002 | Nam | K66CD |
| 221 | 21020400 | Tạ Xuân Tùng | 03/11/2003 | Nam | K66CD |
| 222 | 21020683 | Trương Nguyễn Hoàng Dương | 18/09/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 223 | 21021569 | Đặng Nguyễn Nguyên Duy | 12/11/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 224 | 21021586 | Nguyễn Xương Hiếu | 13/07/2002 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 225 | 21020689 | Vũ Hoàng Trung Kiên | 06/01/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 226 | 21021606 | Trần Tuấn Linh | 13/09/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 227 | 21021620 | Lê Trọng Nghĩa | 16/06/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 228 | 21021626 | Nguyễn Minh Phúc | 03/10/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 229 | 21021636 | Nguyễn Phú Thành | 18/01/2003 | Nam | K66ĐACLC1 |
| 230 | 21020737 | Đặng Thị Thu Uyên | 28/09/2003 | Nữ | K66ĐACLC1 |
| 231 | 21020680 | Nguyễn Mạnh Cường | 07/08/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 232 | 21020684 | Đỗ Minh Hiếu | 18/09/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 233 | 21020688 | Đỗ Huy | 13/07/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 234 | 21021600 | Lương Quốc Khánh | 22/08/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 235 | 21020702 | Lê Minh Quân | 13/03/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 236 | 21021649 | Dương Nguyễn Gia Vinh | 26/09/2002 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 237 | 21021653 | Vũ Đức Vượng | 04/10/2003 | Nam | K66ĐACLC2 |
| 238 | 21021012 | Nguyễn Hồ Hải Nam | 14/09/2003 | Nam | K66E |
| 239 | 21021070 | Nguyễn Phúc Gia Anh | 17/12/2003 | Nam | K66H |
| 240 | 21020575 | Doãn Thị Minh Châu | 31/03/2003 | Nữ | K66H |
| 241 | 21021669 | Bùi Minh Hoàng | 01/06/2002 | Nam | K66H |
| 242 | 21021103 | Trần Thành Long | 19/05/2002 | Nam | K66H |
| 243 | 21021119 | Trần Thái Sơn | 13/02/2003 | Nam | K66H |
| 244 | 21021131 | Lương Quang Trung | 22/02/2003 | Nam | K66H |
| 245 | 21021138 | Lê Nguyễn Tùng | 19/12/2003 | Nam | K66H |
| 246 | 21021143 | Vũ Quang Vũ | 12/09/2003 | Nam | K66H |
| 247 | 21020284 | Lã Việt Cường | 25/08/2003 | Nam | K66J |
| 248 | 21020099 | Phạm Tuấn Anh | 19/11/2003 | Nam | K66K |
| 249 | 21020426 | Nguyễn Duy Anh | 01/06/2003 | Nam | K66K |
| 250 | 21020558 | Nguyễn Đức Anh | 09/09/2003 | Nam | K66K |
| 251 | 21020910 | Trịnh Trung Hiếu | 28/04/2003 | Nam | K66K |
| 252 | 21020921 | Hoàng Trung Kiên | 20/03/2003 | Nam | K66K |
| 253 | 21021664 | Lục Thành Lương | 22/05/2002 | Nam | K66K |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 254 | 21020508 | Nguyễn Hữu Phước | 13/08/2003 | Nam | K66K |
| 255 | 21020594 | Nguyễn Phan Phú Quốc | 15/12/2003 | Nam | K66MCLC1 |
| 256 | 21021322 | Trần Duy Hưng | 24/10/2003 | Nam | K66MCLC2 |
| 257 | 21021350 | Nguyễn Kiều Phong | 10/01/2003 | Nam | K66MCLC2 |
| 258 | 21021384 | Phạm Quang Tú | 19/10/2003 | Nam | K66MCLC2 |
| 259 | 21021351 | Lê Minh Phương | 21/10/2003 | Nam | K66MCLC3 |
| 260 | 21020161 | Giáp Hoàng Anh | 22/10/2003 | Nữ | K66NCLC |
| 261 | 21020514 | Nguyễn Mạnh Đức | 16/11/2003 | Nam | K66NCLC |
| 262 | 21021506 | Lương Sỹ Khánh | 15/11/2003 | Nam | K66NCLC |
| 263 | 21021509 | Nguyễn Khắc Kiên | 07/03/2003 | Nam | K66NCLC |
| 264 | 21021517 | Hoàng Tuấn Minh | 07/11/2003 | Nam | K66NCLC |
| 265 | 21021541 | Lê Tiến Thành | 27/07/2003 | Nam | K66NCLC |
| 266 | 21020919 | Khương Gia Khánh | 08/12/2003 | Nam | K66R |
| 267 | 21020569 | Hàn Nguyên Trường | 27/09/2003 | Nam | K66R |
| 268 | 21020567 | Đào Sơn Tùng | 27/02/2003 | Nam | K66R |
| 269 | 21020266 | Đặng Thái Hà | 27/02/2003 | Nam | K66TCLC |
| 270 | 21021146 | Đỗ Hoàng Anh | 28/08/2003 | Nam | K66XD1 |
| 271 | 21021158 | Kiều Ngọc Cương | 22/12/2003 | Nam | K66XD1 |
| 272 | 21021164 | Nguyễn Quý Dương | 19/06/2003 | Nam | K66XD1 |
| 273 | 21021186 | Phan Huy Hoàng | 06/04/2003 | Nam | K66XD1 |
| 274 | 21021204 | Nguyễn Tiến Linh | 25/08/2003 | Nam | K66XD1 |
| 275 | 21021234 | Hoàng Văn Tâm | 04/04/2003 | Nam | K66XD1 |
| 276 | 21021155 | Nguyễn Hồ Đức Bình | 30/06/2003 | Nam | K66XD2 |
| 277 | 21021205 | Đinh Thanh Loan | 03/06/2003 | Nam | K66XD2 |
| 278 | 21021213 | Trịnh Quang Minh | 19/08/2003 | Nam | K66XD2 |
| 279 | 21021229 | Nguyễn Duy Minh Quân | 12/04/2003 | Nam | K66XD2 |
| 280 | 21021251 | Hoàng Thế Vinh | 24/11/2003 | Nam | K66XD2 |
| 281 | 22027127 | Vũ Văn Hiếu | 31/10/2004 | Nam | K67AE |
| 282 | 22027118 | Lê Thị Minh | 26/04/2004 | Nữ | K67AE |
| 283 | 22027168 | Bùi Trọng Phan | 26/08/2003 | Nam | K67AE |
| 284 | 22020134 | Phạm Văn Hùng | 23/11/2004 | Nam | K67AG |
| 285 | 22020120 | Nguyễn Thị Hà Phương | 19/02/2003 | Nữ | K67AG |
| 286 | 22020133 | Nguyễn Văn Quyết | 21/09/2004 | Nam | K67AG |
| 287 | 22020114 | Nguyễn Phú Sáng | 20/04/2004 | Nam | K67AG |
| 288 | 22020138 | Vũ Danh Thái | 30/03/2004 | Nam | K67AG |
| 289 | 22020124 | Đinh Thị Thùy Trang | 17/04/2004 | Nữ | K67AG |
| 290 | 22020112 | Chu Mạnh Tùng | 17/06/2004 | Nam | K67AG |
| 291 | 22020115 | Nguyễn Sơn Tùng | 23/03/2004 | Nam | K67AG |
| 292 | 22022583 | Nguyễn Huy Hoàng Anh | 07/11/2004 | Nam | K67AI1 |
| 293 | 22022595 | Nguyễn Văn Hải | 07/01/2004 | Nam | K67AI1 |
| 294 | 22022532 | Trần Kim Thành | 29/01/2003 | Nam | K67AI1 |
| 295 | 22022623 | Nguyễn Mạnh Hùng | 24/07/2004 | Nam | K67AI2 |
| 296 | 22022585 | Vũ Việt Hùng | 13/11/2004 | Nam | K67AI2 |
| 297 | 22021561 | Phạm Minh Đồng | 06/12/2003 | Nam | K67AT |
| 298 | 22021562 | Lê Đăng Hưng | 04/07/2004 | Nam | K67AT |
| 299 | 22028324 | Lưu Đức Minh | 20/11/2004 | Nam | K67CACLC1 |
| 300 | 22028054 | Đặng Hoàng Minh Nghĩa | 25/04/2004 | Nam | K67CACLC2 |
| 301 | 22028312 | Nguyễn Ngọc Anh | 06/06/2004 | Nam | K67CACLC3 |
| 302 | 22028260 | Kiều Minh Quang | 30/04/2004 | Nam | K67CACLC3 |
| 303 | 22028314 | Trương Minh Việt | 11/04/2004 | Nam | K67CACLC3 |
| 304 | 22028083 | Lê Quyết Chiến | 11/10/2004 | Nam | K67CACLC4 |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 305 | 22028328 | Nguyễn Nho Hiếu | 10/01/2004 | Nam | K67CACLC4 |
| 306 | 22028052 | Nguyễn Công Khanh | 12/08/2004 | Nam | K67CACLC4 |
| 307 | 22028012 | Đỗ Trung Kiên | 06/02/2004 | Nam | K67CACLC4 |
| 308 | 22028157 | Nguyễn Đặng Thành Vinh | 26/05/2004 | Nam | K67CACLC4 |
| 309 | 22021226 | Quách Việt Anh | 18/11/2003 | Nam | K67CB |
| 310 | 22021205 | Nguyễn Đình Trường | 15/01/2004 | Nam | K67CB |
| 311 | 22029060 | Nguyễn Phan Anh | 09/12/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 312 | 22029003 | Nguyễn Minh Đức | 17/06/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 313 | 22029011 | Nguyễn Thế Dũng | 20/04/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 314 | 22029092 | Nguyễn Ngọc Dương | 27/12/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 315 | 22029066 | Khương Duy | 08/06/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 316 | 22029081 | Mai Đức Hiệp | 02/01/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 317 | 22029088 | Vũ Đức Hiếu | 02/01/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 318 | 22029096 | Phan Như Vũ Marcel | 18/03/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 319 | 22029061 | Nguyễn Hoàng Minh | 27/11/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 320 | 22029004 | Nguyễn Quang Minh | 16/06/2003 | Nam | K67ĐACLC |
| 321 | 22029036 | Lê Hoài Nam | 12/08/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 322 | 22029070 | Chu Việt Quang | 28/02/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 323 | 22029104 | Đặng Tùng Sơn | 20/10/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 324 | 22029031 | Cao Quang Vinh | 26/01/2004 | Nam | K67ĐACLC |
| 325 | 22023512 | Đặng Hoàng Nhật Huy | 05/08/2004 | Nam | K67E |
| 326 | 22023516 | Nguyễn Thế Minh Tuấn | 24/05/2002 | Nam | K67E |
| 327 | 22024170 | Lê Trọng Phú | 27/01/2004 | Nam | K67H |
| 328 | 22024146 | Phạm Quốc Trung | 10/07/2004 | Nam | K67H |
| 329 | 22026554 | Quàng Thế Anh | 23/11/2004 | Nam | K67J |
| 330 | 22026538 | Nông Xuân Bảo | 01/05/2004 | Nam | K67J |
| 331 | 22026530 | Phùng Xuân Đạt | 22/07/2003 | Nam | K67J |
| 332 | 22026562 | Nguyễn Công Khải | 11/09/2004 | Nam | K67J |
| 333 | 22026518 | Nguyễn Việt Sơn | 31/10/2004 | Nam | K67J |
| 334 | 22026529 | Tống Việt Tùng | 04/03/2003 | Nam | K67J |
| 335 | 22026527 | Bùi Ngọc Như Ý | 03/12/2003 | Nữ | K67J |
| 336 | 22022130 | Bùi Việt Hoàng | 07/01/2003 | Nam | K67K2 |
| 337 | 22026168 | Ong Thế Anh | 24/08/2004 | Nam | K67MCLC |
| 338 | 22026183 | Hà Tuấn Anh | 04/05/2004 | Nam | K67MCLC |
| 339 | 22026195 | Mai Hải Đăng | 03/04/2004 | Nam | K67MCLC |
| 340 | 22026190 | Nguyễn Xuân Dũng | 21/09/2004 | Nam | K67MCLC |
| 341 | 22026160 | Nguyễn Đức Duy | 14/08/2004 | Nam | K67MCLC |
| 342 | 22026200 | Lê Khánh Duy | 01/11/2004 | Nam | K67MCLC |
| 343 | 22025529 | Nguyễn Viết Thành An | 08/10/2003 | Nam | K67NCLC |
| 344 | 22025521 | Vũ Khánh Đạt | 17/01/2004 | Nam | K67NCLC |
| 345 | 22025513 | Nguyễn Hoàng Đông | 18/10/2004 | Nam | K67NCLC |
| 346 | 22025540 | Phương Danh Duy | 31/01/2004 | Nam | K67NCLC |
| 347 | 22025533 | Dương Viit Hoàng | 08/01/2004 | Nam | K67NCLC |
| 348 | 22025543 | Vũ Thị Ngọc Thanh | 02/02/2004 | Nữ | K67NCLC |
| 349 | 22025542 | Bùi Thị Thu | 25/06/2004 | Nữ | K67NCLC |
| 350 | 22025528 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân | 06/05/2004 | Nữ | K67NCLC |
| 351 | 22025544 | Lã Anh Tú | 03/12/2004 | Nam | K67NCLC |
| 352 | 22027520 | Nguyễn Đức Giang | 11/07/2004 | Nam | K67R |
| 353 | 22027506 | Lý Văn Lộc | 11/06/2003 | Nam | K67R |
| 354 | 22024551 | Hoàng Văn Lộc | 10/05/2003 | Nam | K67TCLC |
| 355 | 22024555 | Nguyễn Hoàng Phúc | 22/02/2004 | Nam | K67TCLC |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | GT | Lớp |
|---|---|---|---|---|---|
| 356 | 22024541 | Đỗ Tuấn Thành | 10/04/2004 | Nam | K67TCLC |
| 357 | 22024575 | Đặng Sỹ Toàn | 20/09/2004 | Nam | K67TCLC |
| 358 | 22023122 | Nguyễn Thanh An | 24/08/2004 | Nam | K67V |
| 359 | 22023128 | Lê Huy Cương | 05/05/2004 | Nam | K67V |
| 360 | 22023174 | Nguyễn Lê Trung Hải | 27/08/2004 | Nam | K67V |
| 361 | 22023148 | Trần Ngọc Hiếu | 08/02/2004 | Nam | K67V |
| 362 | 22023147 | Đỗ Huy Hoàng | 03/08/2004 | Nam | K67V |
| 363 | 22023139 | Trần Quang Hưng | 03/07/2004 | Nam | K67V |
| 364 | 22023176 | Đinh Hồng Dương Huy | 14/12/2004 | Nam | K67V |
| 365 | 22023132 | Nhữ Đình Khánh | 30/10/2004 | Nam | K67V |
| 366 | 22023145 | Nguyễn Đức Long | 31/10/2004 | Nam | K67V |
| 367 | 22023171 | Bùi Tiến Mạnh | 10/10/2004 | Nam | K67V |
| 368 | 22023118 | Nguyễn Hồng Sơn | 01/01/2004 | Nam | K67V |
| 369 | 22023131 | Nguyễn Minh Thắng | 15/12/2004 | Nam | K67V |
| 370 | 22023129 | Nguyễn Văn Việt | 03/03/2004 | Nam | K67V |
| 371 | 22025177 | Hồ Đình Dương | 09/01/2004 | Nam | K67XD1 |
| 372 | 22025161 | Nguyễn Thị Trà Giang | 25/10/2004 | Nữ | K67XD1 |
| 373 | 22025196 | Đàm Quang Huy | 09/03/2004 | Nam | K67XD1 |
| 374 | 22025207 | Nguyễn Bình An | 03/10/2004 | Nam | K67XD2 |
| 375 | 22025142 | Nguyễn Hải Anh | 12/07/2004 | Nam | K67XD2 |
| 376 | 22025136 | Nguyễn Thanh Bình | 10/08/2004 | Nam | K67XD2 |
| 377 | 22025180 | Phan Việt Hoàng | 15/09/2004 | Nam | K67XD2 |
| 378 | 22025174 | Nguyễn Sỹ Hùng | 30/12/2004 | Nam | K67XD2 |
| 379 | 22025188 | Trần Đức Linh | 28/10/2004 | Nam | K67XD2 |
| 380 | 22025191 | Nguyễn Minh Quân | 24/02/2004 | Nam | K67XD2 |
| 381 | 22025213 | Lê Huy Vũ | 19/07/2004 | Nam | K67XD2 |

*Danh sách gồm 381 sinh viên./.*